

Bản án số: 415/2020/LĐ-PT

Ngày: 25/5/2020

V/v Tranh chấp đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Giang

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Kim Dung

Ông Bùi Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Công Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2020/TLPT-LĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 06/2019/LĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2534/2020/QĐPT-LĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1990; Trú tại: Thị trấn A, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ liên lạc: Đường C1, Phường D, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Thanh M**, sinh năm 1995; Địa chỉ liên lạc: Đường C1, Phường D, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 21/10/2019) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ông **Nguyễn Tấn L** – Công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Đường C1, Phường D, Quận M1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH B; Trụ sở: Đường O, phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông E, quốc tịch Đức – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Hoàng Kim Minh C**; Trú tại: đường R, Phường S, quận V1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 05/3/2020). (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Ông **Nguyễn Văn Q** - Công ty Luật TNHH MTV T1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Đường U, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Bảo hiểm xã hội Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** Trụ sở: Đường Đ, phường T1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà **Tăng Thị H1** – Giám đốc. Người đại diện hợp pháp: Ông **Lê Bảo V** (Theo Giấy ủy quyền số 195/UQ-BHXX ngày 15/5/2020) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* **Công ty TNHH B**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2019, bản tự khai, biên bản mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T có bà Lê Thị Thanh M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thanh T vào làm việc tại Công ty TNHH B theo Thư mời nhận việc ngày 11/5/2018, thời gian thử việc: 02 tháng kể từ ngày 01/6/2018 đến ngày 31/7/2018, tiền lương trong thời gian thử việc là 17.000.000 đồng, tiền lương chính thức là 20.000.000 đồng. Sau khi hết thời gian thử việc, Công ty TNHH B không ra bất cứ thông báo nào về kết quả thử việc và bà T vẫn làm việc bình thường. Ngày 23/8/2018, Công ty TNHH B ra Quyết định số 01/2018/QĐNS ngày 23/08/2018 cho bà T thôi việc mà không có lý do gì và cũng không thông báo trước. Theo bà T thì Công ty TNHH B đã thanh toán cho bà T đủ tiền lương cho đến thời điểm ngày 23/8/2018. Bà T đã gửi Đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/07/2019 với các yêu cầu như sau:

- Buộc Công ty TNHH B phải nhận bà T trở lại làm việc.
- Hủy quyết định số 01/2018/QĐNS ngày 23/08/2018.
- Buộc Công ty TNHH B trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T khoản tiền do công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động gồm:
 - + Tiền lương từ ngay sau ngày 23/8/2018 đến 31/7/2019, làm tròn là 225.000.000 đồng;
 - + Bồi thường 02 tháng tiền lương 40.000.000 đồng;
 - + Thanh toán cho bà T các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Bộ luật lao động: 51.600.000 đồng;
 - + Tiền lương của những ngày không thông báo trước do vi phạm về thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng là 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 336.600.000 (Ba trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bà T xác định hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH B và bà T là hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng. Đối với tiền bảo hiểm bắt buộc từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2019, bà T yêu cầu Công ty TNHH B có trách nhiệm nộp tại cơ quan Bảo hiểm xã hội Quận H. Bà T rút yêu cầu buộc Công ty TNHH B phải nhận bà T trở lại làm việc.

Bị đơn - Công ty TNHH B có ông Hoàng Kim Minh C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH B không chấp nhận bất kỳ yêu cầu nào của bà Nguyễn Thị Thanh T tại Đơn khởi kiện lập ngày 12/12/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/07/2019 và tại phiên tòa vì các yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Để chấm dứt vụ kiện tụng, Công ty TNHH B tự nguyện hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị Thanh T một khoản tiền là 34.000.000 đồng (tương đương với 02 tháng lương thử việc). Trường hợp các bên không hòa giải thành, buộc phải đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định pháp luật thì Công ty TNHH B rút lại sự hỗ trợ này và đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Công ty TNHH B đã thanh toán đủ tiền lương cho bà T cho đến thời điểm 23/8/2018. Công ty TNHH B không có yêu cầu phản tố gì đối với nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TNHH B thừa nhận không có bản mô tả công việc kèm theo hợp đồng thử việc, không ra thông báo kết quả thử việc do trong thời gian này người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B không có mặt tại Việt Nam và không lập văn bản nhắc nhở, xử lý đối với bà T trong quá trình bà T làm việc tại Công ty TNHH B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Lê Bảo V là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa nhưng có Bản tự khai ngày 17/7/2019 trình bày: Công ty TNHH B có đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động tuy nhiên, Công ty TNHH B chưa đăng ký tham gia bảo hiểm bắt buộc cho bà Nguyễn Thị Thanh T. Bảo hiểm xã hội Quận H không có yêu cầu gì và đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L – Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Một thành viên N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi văn bản trình bày ý kiến ngày 21/10/2019 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 06/2019/LĐ-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận H đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 38, Điều 41, Điều 42 Bộ luật lao động;
- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Hủy Quyết định cho thôi việc ký ngày 23/08/2018 của Công ty TNHH B.

- Buộc Công ty TNHH B phải trả cho bà T số tiền 285.384.617 đồng, bao gồm:
+ Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 24/8/2018 đến ngày 31/7/2019: 225.384.617 đồng.

+ Hai tháng tiền lương: 40.000.000 đồng.

+ Bồi thường tiền lương trong những ngày không được báo trước: 20.000.000 đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty TNHH B liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2019 cho bà T, trên cơ sở mức lương 20.000.000 đồng/tháng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà T về việc buộc Công ty TNHH B phải nhận bà T trở lại làm việc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH B phải chịu số tiền án phí 8.561.539 (tám triệu năm trăm sáu mươi một ngàn năm trăm ba mươi chín) đồng. Công ty TNHH B chưa nộp tiền án phí.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/11/2019 Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông E – Tổng giám đốc Công ty TNHH B có đơn kháng cáo không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm với các lý do sau đây: Tòa sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết khách quan của vụ việc có tranh chấp, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không đầy đủ. Đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án để bảo đảm tính khách quan, công bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị xét xử lại vụ án để bảo đảm tính khách quan, công bằng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia phiên tòa xác

định Tòa sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ việc có tranh chấp theo quyết định pháp luật về lao động của Việt Nam; đề nghị Tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm như sau: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: căn cứ theo các thỏa thuận về lao động, Tòa sơ thẩm xác định Công ty TNHH B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với bà Nguyễn Thị Thanh T, đồng thời buộc bị đơn phải giải quyết quyền lợi cho nguyên đơn như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật về lao động; do đó kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận. Ngoài ra, quyết định của bản án sơ thẩm không buộc trách nhiệm liên đới của nguyên đơn cùng bị đơn trong việc nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo mức lương được nhận là thiếu sót, cần bổ sung thêm. Bản án sơ thẩm khi phát hành ghi không chính xác về sự hiện diện của nguyên đơn tại phiên tòa nên cần lưu ý, nghiêm túc rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I/ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn - Công ty TNHH B do người đại diện theo pháp luật làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 244; Điều 245 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II/ Về nội dung giải quyết phúc thẩm:

Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Vào ngày 11/5/2018 Công ty TNHH B cùng bà Nguyễn Thị Thanh T ký kết hợp đồng thử việc có thời hạn từ ngày 01/6/2018 đến 31/7/2018. Theo đó, Công ty thỏa thuận trả tiền lương thử việc cho bà T là 17.000.000 đồng/tháng. Tiền lương chính thức là 20.000.000 đồng/tháng; vị trí công việc là Trưởng phòng nhân sự. Hợp đồng thử việc được xác lập giữa đôi bên là tự nguyện; nội dung được giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, đạo đức xã hội.

Theo trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa thì sau khi kết thúc thời gian thử việc hai tháng bà Nguyễn Thị Thanh T không nhận được bất kỳ thông báo hay đánh giá kết quả thử việc của lãnh đạo công ty. Bà T tiếp tục làm việc tại Công ty từ ngày 01/8/2018 đến ngày 23/8/2018 theo công việc và mức lương thỏa thuận ghi trong hợp đồng thử việc là 20.000.000 đồng/tháng; sau đó bà T nhận được quyết định số 01/2018/QĐNS ngày 23/8/2018 của lãnh đạo công ty cho thôi việc đối với bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - Công ty TNHH B có lời khai như sau: Vào ngày 23/8/2018 bà Nguyễn Thị Thanh T gửi email cho ông E - Tổng Giám đốc thông báo chấm dứt công việc tại công ty kể từ ngày này. Trước đó, trong các lần trao đổi giữa bà T và công ty qua email thì công ty có giao cho bà T một số công việc nhưng bà T không hoàn thành nhiệm vụ; trước khi nghỉ việc bà T có soạn quyết định cho nghỉ việc để trình lãnh đạo công ty ký. Như vậy, bà T đã có nguyện vọng chấm dứt hợp đồng lao động trước khi công ty ban hành quyết định cho thôi việc.

Phản bác nội dung trên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định: thời gian này người đại diện theo pháp luật của Công ty đi công tác nước ngoài nên không thể giải quyết nguyện vọng của bà T về việc chấm dứt hợp đồng lao động được. Việc đại diện theo ủy quyền của công ty cho rằng bà T đã chủ động xin thôi việc tại công ty là không đúng.

[2] Trên cơ sở xem xét, đánh giá chứng cứ cùng lời trình bày của các bên đương sự, Tòa sơ thẩm xác định: hết thời gian thử việc vào ngày 31/7/2018 bà T không nhận được bất kỳ thông báo nào của Công ty TNHH B về việc chấm dứt thử việc trong thời gian này vì người đại diện theo pháp luật của Công ty không có mặt tại Việt Nam. Trên thực tế, bà T tiếp tục làm việc tại Công ty đến hết ngày 23/8/2018 (tổng cộng là 23 ngày) sau khi kết thúc thời gian thử việc.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Án lệ số 20/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì “Nếu người lao động có thư mời làm việc với nội dung xác định loại hợp đồng lao động và thời hạn thử việc. Người lao động đã thử việc theo đúng thời gian thử việc trong thư mời làm việc. Hết thời hạn thử việc, người lao động vẫn tiếp tục làm việc mà người sử dụng lao động và người lao động không có thỏa thuận nào khác. Trường hợp này phải xác định người lao động và người sử dụng lao động đã xác lập quan hệ về hợp đồng lao động”.

Như vậy, sau khi hết thời gian thử việc bà T vẫn tiếp tục làm việc tại công ty cho đến hết ngày 23/8/2018 và các bên không có thỏa thuận nào khác; án sơ thẩm xác định quan hệ về việc làm giữa Công ty TNHH B với bà Nguyễn Thị Thanh T sau khi kết thúc thời gian thử việc là quan hệ hợp đồng lao động là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật về lao động của Việt Nam. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xác định hợp đồng lao động giữa nguyên đơn và bị đơn là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 22; Điều 26 Bộ luật Lao động năm 2012.

Giải quyết sơ thẩm vụ việc có tranh chấp, Tòa án nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2003/NĐCP ngày 09/5/2003 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất để xác định: Công ty TNHH B không xuất trình được bản mô tả công việc hoặc biên bản nhắc nhở vi phạm để chứng minh cho việc bà Nguyễn Thị Thanh T không hoàn thành nhiệm vụ nên tuyên hủy quyết định cho thôi việc ký ngày 23/8/2018 của Tổng giám đốc công ty là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH

B nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần nội dung này, buộc bị đơn Công ty TNHH B phải bồi thường thiệt hại cho bà T do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật số tiền tổng cộng là 285.384.617 đồng.

[3] Theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về việc buộc Công ty TNHH B chịu trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh T liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội tại địa phương để nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định pháp luật, thời gian từ 01/8/2018 đến 31/7/2019 trên cơ sở mức lương 20.000.000 đồng để bà T được cấp sổ bảo hiểm xã hội là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh ghi không chính xác sự hiện diện của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm là thiếu sót, cần điều chỉnh cho đúng, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi phát hành bản án.

[5] Án phí lao động sơ thẩm:

- Nguyên đơn được miễn toàn bộ.
- Bị đơn Công ty TNHH B phải chịu số tiền 8.561.539 đồng

[6] Án phí lao động phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH B không phải chịu, công ty được nhận lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0016995 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 38, Điều 41, Điều 42 Bộ luật Lao động;

Áp dụng Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I/ Đơn kháng cáo của bị đơn do người đại diện theo pháp luật làm trong thời hạn luật định là hợp lệ, bị đơn đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

II/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH B. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận H Thành phố Hồ Chí Minh, có bổ sung như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thanh T:

- Hủy Quyết định cho thôi việc ký ngày 23/08/2018 của Công ty TNHH B.
- Buộc Công ty TNHH B phải trả cho bà T số tiền 285.384.617 đồng, bao gồm:

+ Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 24/8/2018 đến ngày 31/7/2019: 225.384.617 đồng.

+ Hai tháng tiền lương: 40.000.000 đồng.

+ Bồi thường tiền lương trong những ngày không được báo trước: 20.000.000 đồng.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Buộc Công ty TNHH B có trách nhiệm liên đới với bà Nguyễn Thị Thanh T phải liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để nộp tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong khoảng thời gian từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/7/2019 cho bà Thy, trên cơ sở mức lương 20.000.000 đồng/tháng.

3/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà T về việc buộc Công ty TNHH B phải nhận bà T trở lại làm việc.

4/ Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí. Công ty TNHH B phải chịu số tiền án phí là 8.561.539 (Tám triệu năm trăm sáu mươi một nghìn năm trăm ba mươi chín) đồng.

5/ Án phí lao động phúc thẩm: Do bản án lao động sơ thẩm được chỉnh sửa một phần về trách nhiệm liên đới của nguyên đơn, bị đơn trong việc nộp Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên bên kháng cáo không phải chịu án phí lao động phúc thẩm. Bị đơn Công ty TNHH B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0016995 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận H;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Giang